

KẾ HOẠCH

Tổng kiểm tra việc thực hiện các quy định của pháp luật về phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ (PCCC&CNCH) và an ninh trật tự (ANTT) đối với các cơ sở kinh doanh dịch vụ Karaoke trên địa bàn huyện

Thời gian qua tình hình cháy, nổ, tai nạn, sự cố trên cả nước và trên địa bàn tỉnh diễn biến phức tạp, nhiều địa bàn khu dân cư trên địa bàn tỉnh đã xảy ra cháy, nổ, tai nạn, sự cố gây thiệt hại nghiêm trọng đến tài sản và tính mạng của nhân dân. Đặc biệt loại hình cơ sở kinh doanh dịch vụ Karaoke, quán bar, vũ trường là một trong những nơi dễ xảy ra cháy, nổ; khi xảy ra cháy sẽ gây thiệt hại nghiêm trọng về người và tài sản. Điển hình như vụ cháy ngày 01/8/2022 tại quán Karaoke ISIS số 231 Quan Hoa, phố Quan Hoa, quận Cầu Giấy, TP.Hà Nội làm 03 chiến sỹ Cảnh sát PCCC Hà Nội hy sinh; gần đây nhất là vụ cháy ngày 07/9/2022 tại quán Karaoke An Phú thành phố Thuận An tỉnh Bình Dương làm 33 người chết và 10 người bị thương.

Để nâng cao hiệu quả quản lý Nhà nước về PCCC&CNCH và ANTT, chủ động phòng, ngừa không để xảy ra các vụ cháy gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng tại các cơ sở kinh doanh Karaoke trên địa bàn huyện. Trên cơ sở Công văn số 1099/CAT-PV01 ngày 08/9/2022 của Công an tỉnh Gia Lai về việc tổng kiểm tra toàn diện an toàn PCCC, ANTT tại các cơ sở kinh doanh dịch vụ Karaoke, quán bar và Kế hoạch số 2243/KH-CAT-PC07 ngày 09/9/2022 của Công an tỉnh Gia Lai về việc hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các quy định của pháp luật về phòng cháy (PCCC) và cứu nạn, cứu hộ (CNCH) đối với các cơ sở kinh doanh dịch vụ Karaoke, quán bar, vũ trường trên địa bàn tỉnh; Ủy ban nhân dân (UBND) huyện xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện, cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

- Hướng dẫn, kiểm tra đồng bộ công tác PCCC&CNCH và công tác đảm bảo ANTT tại các cơ sở kinh doanh Karaoke trên địa bàn huyện; thông qua công tác hướng dẫn, kiểm tra kịp thời phát hiện những sơ hở, thiếu sót mới phát sinh về an toàn PCCC&CNCH và ANTT có biện pháp khắc phục kịp thời đảm bảo an toàn cho cơ sở trong quá trình hoạt động, kinh doanh.

- Quá trình kiểm tra phải đảm bảo tính khách quan, toàn diện, tuân thủ các quy định của pháp luật về PCCC&CNCH và ANTT, kiến nghị khắc phục triệt để các tồn tại, thiếu sót là nguyên nhân dẫn đến nguy cơ xảy ra cháy, nổ, tai nạn. Đồng thời kiên quyết tạm đình chỉ, đình chỉ hoạt động đối với các cơ sở không đảm bảo an toàn PCCC&CNCH và xử lý nghiêm các hành vi vi phạm trong lĩnh vực PCCC&CNCH và ANTT.

II. NỘI DUNG KẾ HOẠCH

1. Thành lập đoàn kiểm tra

Thành lập đoàn kiểm tra gồm những ông (bà) có tên sau:

1. Ông: Trần Đăng Khoa – Thượng tá - Phó trưởng Công an huyện, làm Trưởng đoàn;
2. Ông: Bùi Đức Thọ - Trung tá - Đội trưởng đội QLHC về TTXH - Công an huyện, làm Thành viên;
3. Ông: Lương Đăng Thảo – Phó trưởng phòng - Phòng Tài chính – Kế hoạch, làm thành viên;
4. Ông: Hà Cao Nam – Chuyên viên - Phòng Văn hóa và Thông tin, làm thành viên;
5. Ông: Phạm Thành Hiếu – Chuyên viên - Phòng Kinh tế - Hạ tầng, làm thành viên;
6. Ông: Lâm Hồ Văn Quỳnh – Chuyên viên an toàn - Điện lực huyện Kbang, làm thành viên.
7. Ông: Nguyễn Tiến Đạt – Thượng úy - Cán bộ quản lý về công tác PCCC và CNCH Công an huyện, làm thành viên, kiêm thư ký Đoàn kiểm tra.

2. Đối tượng, thời gian kiểm tra

- Đối tượng kiểm tra: Các cơ sở kinh doanh dịch vụ Karaoke trên địa bàn huyện (có danh sách kèm theo).
- Thời gian kiểm tra: Từ ngày **13/9/2022** đến hết ngày **23/9/2022**.

3. Hình thức kiểm tra

- Kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất đảm bảo đúng theo quy định tại Khoản 3, Điều 16, Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020 của Chính phủ, Nghị định số 83/2017/NĐ-CP ngày 18/7/2017 của Chính phủ và Thông tư số 08/2018/TT-BCA ngày 5/3/2018 của Bộ Công an, Nghị định số 96/2016/NĐ-CP, ngày 01/7/2016 của Chính phủ, Thông tư số 42/2017/TT-BCA ngày 20/10/2017 của Bộ Công an.

- Đối với các cơ sở đã kiểm tra định kỳ gần nhất trước ngày 12/9/2022 phải tiến hành nắm tình hình, kiểm tra việc khắc phục các tồn tại, vi phạm về PCCC&CNCH và ANTT, đồng thời đưa vào kết quả báo cáo.

4. Nội dung kiểm tra

4.1. Kiểm tra về công tác PCCC&CNCH

4.1.1. Kiểm tra trách nhiệm của người đứng đầu cơ sở trong việc chỉ đạo thực hiện công tác PCCC và CNCH được quy định tại Khoản 3, Điều 5 Luật PCCC năm 2001; Khoản 2, Điều 1 Luật sửa đổi bổ sung Luật PCCC năm 2013 và Nghị định 83/2017/NĐ-CP ngày 18/7/2018 của Chính phủ quy định công tác CNCH của lực lượng PCCC.

4.1.2. Kiểm tra việc lập và lưu trữ hồ sơ quản lý, theo dõi hoạt động PCCC và CNCH theo Điều 4, Thông tư 149/2020/TT-BCA ngày 31/12/2020 của Bộ

Công an; Điều 9, Thông tư 08/2018/TT-BCA ngày 05/3/2018 của Bộ Công an, cụ thể:

Việc ban hành nội quy, quy chế, các biện pháp, giải pháp về PCCC và CNCH tại cơ sở; văn bản thẩm duyệt, nghiệm thu về PCCC; giấy phép xây dựng; việc tổ chức thực hiện nội quy, quy định, điều kiện an toàn, biện pháp, giải pháp về PCCC và CNCH; công tác tổ chức tuyên truyền, phổ biến kiến thức Pháp luật về PCCC và CNCH; quyết định thành lập đội PCCC và CNCH cơ sở, danh sách đội PCCC và CNCH cơ sở; công tác tự kiểm tra an toàn PCCC và CNCH của cơ sở; việc xây dựng phương án chữa cháy, phương án CNCH, tổ chức học và thực tập phương án; công tác báo cáo, thống kê về PCCC.

(Mục 3.1.1, 3.1.2 thực hiện theo Phụ lục 2 kèm theo Kế hoạch này: Bảng đối chiếu kiểm tra hồ sơ, tài liệu liên quan đến công tác PCCC, trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, cơ sở).

4.1.3. Kiểm tra thực tế: thực hiện theo các quy định tại Thông tư số 147/2020/TT-BCA ngày 31/12/2020 của Bộ Công an, cụ thể:

Kiểm tra việc thực hiện các kiến nghị của biên bản kiểm tra PCCC gần nhất; việc chấp hành nội quy, quy định về PCCC; việc tổ chức, duy trì hoạt động của lực lượng PCCC tại chỗ; kiểm tra hệ thống giao thông, nguồn nước phục vụ công tác chữa cháy; hệ thống điện, nguồn lửa, nguồn nhiệt, thiết bị sinh lửa, sinh nhiệt; hệ thống chống sét; vệ sinh công nghiệp có liên quan đến nguy cơ hình thành môi trường nguy hiểm cháy, nổ; kiểm tra hệ thống báo cháy, chữa cháy tự động, hệ thống cấp nước chữa cháy (nếu có); điều kiện đảm bảo thoát nạn, cứu người, cứu tài sản khi có cháy, nổ xảy ra; kiểm tra số lượng, chất lượng, công tác bảo quản, vị trí đặt phương tiện chữa cháy, phương tiện cứu nạn, cứu hộ; điều kiện ngăn cháy, chống cháy lan, điều kiện an toàn PCCC tại các kho, bãi, tầng hầm, khu vực có nguy hiểm cao về cháy, nổ; khả năng xử lý tình huống khi có cháy, nổ, sự cố xảy ra.

(Thực hiện theo phụ lục 3 kèm theo kế hoạch này: Hướng dẫn kiểm tra đối chiếu với Cơ sở Karaoke, câu lạc bộ, vũ trường, quán bar)

4.2. Kiểm tra về công tác An ninh trật tự:

Kiểm tra việc thực hiện Nghị định số 96/2016/NĐ-CP, ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định điều kiện về ANTT đối với một số ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện; trong đó chú trọng việc chấp hành quy định tại Điều 6, Điều 25, Điều 42 Nghị định 96/2016/NĐ-CP của Chính phủ. Đối với cơ sở nghiêm trọng hoặc tái phạm nhiều lần, cần phải thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện về ANTT; đối với cơ sở kinh doanh karaoke có dấu hiệu phức tạp về ANTT, nhất là dấu hiệu hoạt động tệ nạn xã hội cần phối hợp chặt chẽ các lực lượng nghiệp vụ để đấu tranh. Đình chỉ, xử lý các cơ sở kinh doanh không có giấy phép.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Căn cứ nội dung kế hoạch, các cơ quan bố trí cán bộ tham gia kiểm tra nghiêm túc, đạt hiệu quả.

2. Giao Trưởng đoàn kiểm tra chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan, hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện Kế hoạch này, tổng hợp tình hình, kết quả thực hiện báo cáo Công an tỉnh, Ủy ban nhân dân huyện./. *Đinh*

Nơi nhận:

- UBND tỉnh;
- Công an tỉnh;
- TT Huyện ủy;
- TT HĐND huyện;
- CT, các PCT UBND huyện;
- Công an huyện;
- Phòng VH-TT;
- Phòng Kinh tế - Hạ tầng;
- Phòng Tài chính – Kế hoạch;
- Điện lực huyện Kbang;
- Lưu VT. *hư*

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Dũng

DANH SÁCH

Các cơ sở kinh doanh dịch vụ Karaoke trên địa bàn huyện Kbang
(Kèm theo Kế hoạch số 134/KH-UBND, ngày 13/9/2022 của UBND huyện Kbang)

STT	Tên cơ sở	Địa chỉ	Ghi chú
1	Karaoke Sương Mai	296 Quang Trung, thị trấn Kbang	
2	Karaoke Nam Phong	01 Quang Trung, thị trấn Kbang	
3	Karaoke Sông Ba	135 Ngô Mây, thị trấn Kbang	
4	Karaoke The Voice	Tổ dân phố 11, thị trấn Kbang	
5	Karaoke Nguyên Khang	Thôn Hbang, xã Kông Long Khong	

PHỤ LỤC 2

Bảng 2.1: Hướng dẫn nội dung kiểm tra hồ sơ theo dõi, quản lý hoạt động về PCCC và CNCH; trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, cơ sở

TT	Thành phần hồ sơ	Thực hiện trách nhiệm của người đứng đầu cơ sở	Quy định của pháp luật
A	Hồ sơ theo dõi, quản lý hoạt động PCCC	- Người đứng đầu cơ sở có trách nhiệm lập, quản lý hồ sơ theo dõi, quản lý hoạt động PCCC của cơ sở. - Đối với cơ sở đang hoạt động (hồ sơ được lập theo quy định của Thông tư số 66/2014/TT-BCA) người đứng đầu cơ sở có trách nhiệm cập nhật, bổ sung hồ sơ theo TT số 149/2020/TT-BCA (viết gọn là TT số 149) - Đối với cơ sở được đưa vào sử dụng sau thời hiệu của TT số 149: Người đứng đầu cơ sở có trách nhiệm lập hồ sơ theo dõi, quản lý hoạt động PCCC của cơ sở trước khi đưa vào hoạt động	K 5 D5 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP (Viết gọn là ND số 136)
1	Cơ sở thuộc danh mục quy định tại Phụ lục III Nghị định số 136 /2020/NĐ-CP, thành phần hồ sơ gồm:	Người đứng đầu cơ sở có trách nhiệm tổ chức cập nhật, bổ sung hồ sơ quản lý, theo dõi hoạt động phòng cháy và chữa cháy.	K3 D4 TT số 149
1	- Nội quy, các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn về PCCC; - Quyết định phân công chức trách, nhiệm vụ trong thực hiện công tác PCCC của cơ sở (nếu có)	- Người đứng đầu cơ sở có trách nhiệm ban hành; Hình thức, nội dung phù hợp quy định tại D5 TT số 149. - Cơ sở có nhiều khu vực hoặc hạng mục có tính chất nguy hiểm cháy, nổ khác nhau thì nội dung của nội quy phải phù hợp với đặc điểm của từng hạng mục, khu vực;	K3 D5 Luật PCCC.
2	Giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế, văn bản thẩm duyệt thiết kế (nếu có); văn bản chấp thuận kết quả nghiệm thu về PCCC	- Giấy chứng nhận thẩm duyệt, nghiệm thu về PCCC đối với công trình; - Văn bản thẩm duyệt, nghiệm thu về PCCC đối với hạng mục thuộc công trình khi có sự cải tạo, thay đổi tính chất sử dụng trong quá trình hoạt động	- Cơ sở thuộc diện thẩm duyệt về PCCC theo các văn bản QPPL về PCCC có hiệu lực trước ND số 136 - Cơ sở thuộc Phụ lục V ND số 136
3	Bản sao bản vẽ tổng mặt bằng thể hiện giao thông, nguồn nước phục vụ chữa cháy, bố trí công năng của các hạng mục, dây chuyền công nghệ trong cơ sở đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt (nếu có)		
4	Việc thành lập đội PCCC cơ sở, chuyên ngành:		D31 ND số 136
-	Quyết định thành lập đội PCCC cơ sở	Người đứng đầu cơ sở có trách nhiệm: - Ban hành quyết định thành lập đội PCCC cơ sở, chuyên ngành. - Ban hành Quy chế hoạt động của Đội PCCC cơ sở, chuyên ngành. - Bảo đảm kinh phí, trang bị phương tiện, bảo đảm các điều kiện cần thiết và duy trì hoạt động của đội PCCC cơ sở, chuyên ngành Lưu ý: - Đối tượng thành lập Đội PCCC cơ sở: Khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, cụm công nghiệp có diện tích dưới 50 ha; cơ sở quy định tại Phụ lục III ND số 136 - Đối tượng thành lập Đội PCCC Chuyên ngành: Cơ sở và đối tượng khác quy định tại K3 D 44 Luật PCCC và D13 TT số 149 - Trám biến áp được vận hành tự động quy định tại Dg K3 D31 ND số 136 không phải thành lập Đội PCCC cơ sở	K1, K2 và K3 D31
		Biên chế, số lượng Đội viên Đội PCCC cơ sở (tính theo số người thường xuyên làm việc tại cơ sở):	K3 D31

TT	Thành phần hồ sơ	Thực hiện trách nhiệm của người đứng đầu cơ sở	Quy định của pháp luật
		- Cơ sở < 10 người: Tất cả tham gia và do người đứng đầu cơ sở chỉ huy, chỉ đạo; - Cơ sở có từ 10 ÷ 50 người: Có ≥ 10 người, trong đó có 01 đội trưởng; - Cơ sở có > 50 ÷ 100 người: Có ≥ 15 người, trong đó có 01 đội trưởng và 01 đội phó; - Cơ sở có > 100 người: Có ≥ 25 người, trong đó có 01 đội trưởng và 02 đội phó; - Cơ sở có nhiều phân xưởng, bộ phận làm việc độc lập có > 100 người thường xuyên làm việc, mỗi bộ phận, phân xưởng có 01 tổ PCCC; biên chế của tổ ≥ 05 người, trong đó có 01 tổ trưởng; - Cơ sở được trang bị phương tiện chữa cháy cơ giới: Biên chế phải bảo đảm duy trì số người thường trực đáp ứng theo cơ sở của phương tiện chữa cháy cơ giới.	
5	Quyết định cấp chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ về PCCC và CNCH hoặc bản sao chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ về PCCC và CNCH của cơ quan Công an có thẩm quyền;	Cán bộ, đội viên, đội PCCC cơ sở, chuyên ngành phải chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ	K1 Đ33
6	Phương án chữa cháy của cơ sở được cấp có thẩm quyền phê duyệt.	- Người đứng đầu cơ sở chịu trách nhiệm tổ chức xây dựng phương án chữa cháy của cơ sở (Mẫu số PC17) - Phương án chữa cháy phải bảo đảm các yêu cầu và nội dung cơ bản ghi tại K2 Đ19 ND số 136 - Phương án chữa cháy cơ sở quy định tại Phụ lục III ND số 136 phải được Cơ quan Công an quản lý trực tiếp phê duyệt - Phương án chữa cháy của cơ sở được quản lý tại cơ sở	K3 Đ19 ND số 136 K2 Đ19 ND số 136 K1 Đ9 TT số 149 K9 Đ19 ND số 136
	Kế hoạch, báo cáo kết quả tổ chức thực tập phương án chữa cháy	Phương án chữa cháy phải được bổ sung, chỉnh lý kịp thời khi có những thay đổi về tính chất, đặc điểm nguy hiểm cháy, nổ, độc và các điều kiện liên quan đến hoạt động chữa cháy	Đ d K2 Đ19
		Việc tổ chức thực tập phương án chữa cháy - Thực tập ít nhất một lần một năm và thực tập đột xuất khi có yêu cầu bảo đảm về an toàn PCCC đối với các sự kiện đặc biệt về chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội tổ chức ở địa phương. <i>Mỗi lần thực tập phương án có thể thực tập một hoặc nhiều tình huống khác nhau, nhưng phải bảo đảm tất cả các tình huống trong phương án lần lượt được tổ chức thực tập.</i> - Người có trách nhiệm tổ chức thực tập phương án phải gửi kế hoạch, báo cáo kết quả tổ chức thực tập phương án chữa cháy đến cơ quan Công an quản lý trực tiếp và chịu trách nhiệm trước pháp luật về kết quả thực tập phương án.	K1 Đ10 TT số 149 Đ d K10 Đ19 ND 136
7	Biên bản kiểm tra về PCCC, văn bản kiến nghị, chỉ đạo, biên bản vi phạm, quyết định xử phạt, tạm đình chỉ, đình chỉ hoạt động, phục hồi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước	Lưu trong hồ sơ	
8	Tài liệu ghi nhận kết quả tự kiểm tra của cơ sở; báo cáo kết quả kiểm tra an toàn về PCCC định kỳ 06 tháng của người đứng đầu cơ sở theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 16 ND số 136	Người đứng đầu cơ sở quy định tại Phụ lục III ND số 136 có trách nhiệm kiểm tra an toàn về PCCC thường xuyên; định kỳ 06 tháng gửi báo cáo kết quả kiểm tra về cơ quan Công an quản lý trực tiếp và chịu trách nhiệm trước pháp luật về kết quả kiểm tra;	Đb K3 Đ16 ND số 136
9	Báo cáo vụ cháy, nổ (nếu có); thông báo kết luận điều tra nguyên nhân vụ cháy của cơ quan có thẩm quyền (nếu có)	Lưu trong hồ sơ (nếu có)	Yêu cầu
10	Tài liệu ghi nhận kết quả kiểm tra điện trở nối đất chống sét, kiểm định hệ thống, thiết bị, đường ống chịu áp lực theo quy định (nếu có)	- Kết quả đo điện trở, tiếp địa định kỳ của cơ sở (nếu đủ điều kiện) hoặc của đơn vị có đủ pháp nhân (do định kỳ tốt nhất không quá 12 tháng) - Đối với cơ sở có thiết bị chịu áp lực phải có kết quả kiểm tra của cơ quan chức năng	Đ 28 TCVN 9385:2012.

TT	Thành phần hồ sơ	Thực hiện trách nhiệm của người đứng đầu cơ sở	Quy định của pháp luật
11	Giấy xác nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ PCCC (nếu có)	Đổi với cơ sở kinh doanh dịch vụ PCCC	B41 NB số 136
12	Giấy chứng nhận bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc	- Người đứng đầu cơ sở NHCN có trách nhiệm mua BHCNBB. - Hợp đồng hoặc Giấy chứng nhận BHCNBB phải thể hiện rõ các nội dung sau: + Thời hạn của hợp đồng, GCN bảo hiểm tính đến thời điểm kiểm tra; + Mức phí bảo hiểm có đúng theo tổng tài sản của cơ sở không; + Có tách riêng phần BHCNBB với phần bảo hiểm rủi ro trong Hợp đồng bảo hiểm chung.	B9 Luật PCCC B3, NB 23/2018/NB-CP
I			
1	- Nội quy, các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn về PCCC; - Quyết định phân công chức trách, nhiệm vụ trong thực hiện công tác PCCC của cơ sở (nếu có)	- Người đứng đầu cơ sở có trách nhiệm ban hành; Hình thức, nội dung phù hợp quy định tại D5 TT số 149. - Cơ sở có nhiều khu vực hoặc hàng mục có tính chất nguy hiểm cháy, nổ khác nhau thì nội dung của nội quy phải phù hợp với đặc điểm của từng hàng mục, khu vực	K3 D5 Luật PCCC.
2	Quyết định cấp chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ về PCCC và CNCH hoặc bản sao chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ về PCCC và CNCH của cơ quan Công an có thẩm quyền;	Người được phân công thực hiện nhiệm vụ PCCC phải chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ	K1 B33
3	Phương án chữa cháy của cơ sở được cấp có thẩm quyền phê duyệt.	- Người đứng đầu cơ sở chịu trách nhiệm tổ chức xây dựng phương án chữa cháy của cơ sở (Mẫu số PC17). Phương án chữa cháy phải bảo đảm các yêu cầu và nội dung cơ bản ghi tại K2 D19 NB số 136 - Phương án chữa cháy của cơ sở quy định tại Phụ lục IV NB số 136 do người đứng đầu cơ sở phê duyệt - Phương án chữa cháy của cơ sở được quản lý tại cơ sở	K3 D19 NB số 136 K2 D19 NB số 136 K1 D9 TT số 149 K9 D19 NB số 136
	Kế hoạch, báo cáo kết quả tổ chức thực tập phương án chữa cháy	Phương án chữa cháy phải được bổ sung, chỉnh lý kịp thời khi có những thay đổi về tình chất, đặc điểm nguy hiểm cháy, nổ, độc và các điều kiện liên quan đến hoạt động chữa cháy	D4 K2 D19
		Việc tổ chức thực tập phương án chữa cháy: Thực tập ít nhất một lần một năm và thực tập đột xuất khi có yêu cầu bảo đảm về an toàn PCCC đối với các sự kiện đặc biệt về chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội tổ chức ở địa phương. <i>Mỗi lần thực tập phương án có thể thực tập một hoặc nhiều tình huống khác nhau, nhưng phải bảo đảm tất cả các tình huống trong phương án lần lượt được tổ chức thực tập.</i>	K1 D10 TT số 149
4	Biên bản kiểm tra về PCCC, văn bản kiến nghị, chỉ đạo, biên bản vi phạm, quyết định xử phạt, tạm đình chỉ, đình chỉ hoạt động, phục hồi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước	Lưu trong hồ sơ	
5	Tài liệu ghi nhận kết quả tự kiểm tra của cơ sở	Người đứng đầu cơ sở quy định tại Phụ lục IV NB số 136 có trách nhiệm kiểm tra an toàn về PCCC thường xuyên	D4 a K3 D16 NB số 136
6	Báo cáo vụ cháy, nổ (nếu có); thông báo kết luận điều tra nguyên nhân vụ cháy của cơ quan có thẩm quyền (nếu có)	Lưu trong hồ sơ (nếu có)	Yêu cầu
7	Giấy xác nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ PCCC (nếu có)	Đổi với cơ sở kinh doanh dịch vụ PCCC	D41 NB số 136
B	Thành phần hồ sơ theo dõi, quản lý hoạt động CNCH	Người đứng đầu cơ sở có trách nhiệm lập hồ sơ theo dõi, quản lý hoạt động CNCH. Hồ sơ được lập kết hợp với hồ sơ quản lý, theo dõi hoạt động PCCC	D9 TT 08/2018/TT-BCA (viết gọn là TT số 08)
1	Quy định, nội quy, quy trình, các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn về CNCH:	Người đứng đầu cơ sở có trách nhiệm ban hành, nội dung phù hợp quy định tại D5 Thông tư số 08.	D5 TT số 08

TT	Thành phần hồ sơ	Thực hiện trách nhiệm của người đứng đầu cơ sở	Quy định của pháp luật
2	Sơ đồ bố trí công nghệ, hệ thống kỹ thuật, vật tư có nguy cơ xảy ra sự cố, tai nạn của cơ sở; sơ đồ bố trí các khu vực dễ xảy ra tai nạn phù hợp với quy mô, tính chất hoạt động của cơ sở	Cơ sở căn cứ theo tính chất, đặc điểm của cơ sở để xác định khu vực có nguy cơ xảy ra sự cố, tai nạn trong sơ đồ	Điểm b K1 Đ9 TT số 08
3	Phân công thực hiện nhiệm vụ CNCH cho đội viên đội PCCC cơ sở, chuyên ngành	Có quy định về phân công thành viên Đội PCCC cơ sở thực hiện nhiệm vụ CNCH trong quyết định thành lập Đội PCCC cơ sở, chuyên ngành.	Đ23 ND 83/2017/ND-CP (Viết gọn là ND số 83)
4	Phương án CNCH của cơ sở; kế hoạch thực hiện công tác CNCH	- Có phương án CNCH của cơ sở. - Có kế hoạch CNCH của cơ sở	K6 Đ9 ND số 83 K3 Đ9 ND số 83
-	Việc bổ sung, chỉnh sửa phương án, kế hoạch cứu nạn, cứu hộ khi có thay đổi tính chất, đặc điểm của cơ sở	Phương án, kế hoạch cứu nạn, cứu hộ được bổ sung, chỉnh sửa kịp thời khi có thay đổi về tính chất, đặc điểm sự cố, tai nạn có thể xảy ra và các điều kiện liên quan đến hoạt động cứu nạn, cứu hộ.	K4 Đ9 ND số 83
-	Báo cáo kết quả tổ chức thực tập phương án CNCH	Thực tập, diễn tập ít nhất 02 năm 01 lần và khi có yêu cầu	K6 Đ9 ND 83/2017/ND-CP. Đ12 ND số 83
5	Biên bản kiểm tra về CNCH; văn bản đề xuất kiến nghị về công tác CNCH:	- Cơ sở có trách nhiệm tổ chức kiểm tra lưu trong hồ sơ các văn bản này: + Biên bản kiểm tra định kỳ, đột xuất của người đứng đầu cơ sở; + Biên bản kiểm tra định kỳ, đột xuất của cơ quan Công an	
C			
1	Việc bảo đảm kinh phí cho hoạt động PCCC của người đứng đầu cơ sở	Người đứng đầu cơ quan, tổ chức có trách nhiệm bảo đảm kinh phí cho hoạt động PCCC; trang bị và duy trì hoạt động của dụng cụ, phương tiện PCCC; chuẩn bị các điều kiện phục vụ chữa cháy...	K3 Đ 5 Luật PCCC
2	Việc duy trì công tác kiểm tra, bảo dưỡng phương tiện PCCC và CNCH định kỳ.	- Hồ sơ, tài liệu thể hiện việc kiểm tra, bảo dưỡng phương tiện PCCC, CNCH (cập nhật trong sổ theo dõi phương tiện hoặc hợp đồng với đơn vị bảo trì). - Việc bảo dưỡng hệ thống PCCC theo quy định của TCVN 3890-2009: + Bình chữa cháy: Định kỳ, kết quả ghi vào sổ theo dõi và thẻ gắn theo bình. + Hệ thống chữa cháy bằng nước: Hạng nước chữa cháy: ≤6 tháng; vòi, đầu nối, lăng phun: ≤1 năm; hệ thống: ≤1 năm + Hệ thống báo cháy tự động: kiểm tra: ≥ 2 lần/năm; bảo dưỡng: ít nhất 2 năm/lần	TT số 17/2021/TT-BCA TCVN 3890-2009.
3	Việc tổ chức tuyên truyền, huấn luyện nghiệp vụ PCCC và CNCH cho các đối tượng theo quy định	Người đứng đầu cơ quan, tổ chức có trách nhiệm: - Tổ chức tuyên truyền, phổ biến kiến thức về PCCC và CNCH; xây dựng phong trào toàn dân tham gia hoạt động PCCC, CNCH - Tổ chức Huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ PCCC và CNCH Đội tượng phải được huấn luyện và có giấy chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ PCCC - Người có chức danh chỉ huy chữa cháy theo quy định tại K2 DD37 Luật PCCC; - Thành viên Đội PCCC cơ sở, chuyên ngành; - Người làm việc trong môi trường có nguy hiểm cháy, nổ hoặc thường xuyên tiếp xúc với hàng hóa nguy hiểm về cháy, nổ; người điều khiển phương tiện, người làm việc trên phương tiện giao thông cơ giới vận chuyển hàng khác trên 29 chỗ ngồi và phương tiện giao thông cơ giới vận chuyển hàng hóa nguy hiểm về cháy, nổ. - Người làm nhiệm vụ PCCC tại cơ sở quy định tại PLIV Nghị định số 136; - Thành viên Đội PCCC rừng	- K3 Đ 5; K2 Đ6 Luật PCCC; K2 Đ 7 ND số 83 - Đ 33 ND số 136; Đ11 ND số 83
4	Việc chấp hành quy định về kiểm tra an toàn PCCC và CNCH định kỳ, đột xuất; văn bản hướng dẫn, chỉ đạo, kiến nghị của cơ quan Công an	Chuẩn bị đầy đủ các nội dung kiểm tra đã được thông báo; bố trí người có thẩm quyền, trách nhiệm để làm việc với cơ quan, người có thẩm quyền kiểm tra	Đ a, K5, Đ 16 ND số 136

PHỤ LỤC 3
Bảng 3.9: Hướng dẫn kiểm tra đối với Cơ sở Karaoke, câu lạc bộ, vũ trường, quán bar

TT	Nội dung lưu ý	Quy định của Tiêu chuẩn, Quy chuẩn	Ghi chú
A	Thông tin chung của cơ sở có liên quan đến PCCC	1. Đặc điểm kiến trúc: - Nhà gồm các hạng mục chính sau: + Khu vực tập trung đông người, + Gian phòng kỹ thuật, phụ trợ. + Gara để xe 2. Hệ thống PCCC (cần cứ theo quy mô của cơ sở): - Hệ thống báo cháy tự động - Hệ thống trụ nước chữa cháy ngoài nhà và họng nước chữa cháy trong nhà - Hệ thống chữa cháy tự động - Hệ thống đèn chiếu sáng sự cố và đèn chỉ dẫn thoát nạn. - Trang bị phương tiện chữa cháy ban đầu. 3. Quản lý về PCCC và CNCH: - Thuộc diện phải thẩm duyệt thiết kế về PCCC (PL V): Cơ sở Karaoke, vũ trường, quán bar, câu lạc bộ từ 3 tầng trở lên hoặc có tổng khối tích từ 1.500 m³ trở lên. - Do UBND cấp xã quản lý về PCCC (PL IV): Cơ sở Karaoke, vũ trường cao dưới 3 tầng và có tổng khối tích dưới 1.000 m³; quán bar, câu lạc bộ, - Do Cơ quan Công an quản lý (PL III): Cơ sở Karaoke, vũ trường cao từ 3 tầng trở lên hoặc khối tích từ 1.000 m³ trở lên, quán bar, câu lạc bộ cao từ 3 tầng trở lên hoặc có tổng khối tích từ 1.500 m³ trở lên - Cơ sở có Nguy hiểm về cháy, nổ (PL II): Cơ sở Karaoke, vũ trường, quán bar, câu lạc bộ có khối tích từ 5.000 m³ trở lên; 4. BCL, Hạng nguy hiểm cháy, nổ của nhà, gian phòng: Tham khảo Bảng 2.3, Bảng 2.4	Nghi định số 136/2020/NĐ-CP
B	Nội dung lưu ý kiểm tra		
I	Hồ sơ liên quan đến công tác PCCC và CNCH của cơ sở		
1.1	Hồ sơ theo dõi, quản lý về PCCC và CNCH của cơ sở	Kiểm tra các nội dung theo hướng dẫn tại bảng 2.1	
1.2	Hồ sơ, tài liệu về việc thực hiện kiểm tra, bảo dưỡng phương tiện PCCC, CNCH của cơ sở		
II	Giao thông, khoảng cách an toàn PCCC, nguồn nước chữa cháy	Kiểm tra các nội dung theo hướng dẫn tại bảng 2.2	QCVN 06:2020/BXD

Cơ sở bố trí liên kết với các công trình khác thì tường ngoài tiếp giáp với công trình đó là tường ngăn cháy loại 1 (REI 150) đối với nhà có BCL I, II, III và là tường ngăn cháy loại 2 (REI 45) đối với nhà có BCL IV		Đ a K2 DD6 Thông tư số 147/2020/TT-BCA														
III	Kiểm tra đối với các khối nhà															
1	Bố trí công năng															
1.1	Bố trí công năng vũ trường, Kraoke	<table><tr><th>Bậc chịu lửa của nhà</th><th>Số tầng lớn nhất</th></tr><tr><td>I, II</td><td>Lấy theo Bảng H.4 và 16 tầng cho các công trình công cộng khác</td></tr><tr><td>III</td><td>Lấy theo Bảng H.4 và 05 tầng cho các công trình công cộng khác</td></tr><tr><td>IV</td><td>1</td></tr><tr><td></td><td>2</td></tr><tr><td>V</td><td>1</td></tr><tr><td></td><td>2</td></tr></table>	Bậc chịu lửa của nhà	Số tầng lớn nhất	I, II	Lấy theo Bảng H.4 và 16 tầng cho các công trình công cộng khác	III	Lấy theo Bảng H.4 và 05 tầng cho các công trình công cộng khác	IV	1		2	V	1		2
Bậc chịu lửa của nhà	Số tầng lớn nhất															
I, II	Lấy theo Bảng H.4 và 16 tầng cho các công trình công cộng khác															
III	Lấy theo Bảng H.4 và 05 tầng cho các công trình công cộng khác															
IV	1															
	2															
V	1															
	2															
		H3 PL H QCVN 06:2020/BXD Đ c K2 DD6 Thông tư số 147/2020/TT-BCA														
	Bố trí bên trong tầng hầm 1 hoặc tầng bán hầm khi tổng diện tích không lớn hơn 300 m2 và có ít nhất 02 lối thoát nạn trực tiếp ra ngoài nhà															
1.2	Một số gian phòng bố trí trong nhà	Đ 6.17, Đ 6.18														
-	Phòng trực điều khiển chống cháy	1. Phòng trực điều khiển chống cháy và có nhân viên có chuyên môn thường xuyên trực tại cao trên 10 tầng; nhà có từ 2 đến 3 tầng hầm; - Phòng trực điều khiển chống cháy phải: + Có diện tích đủ để bố trí các thiết bị theo yêu cầu phòng chống cháy của nhà nhưng không nhỏ hơn 6 m2. + Có hai lối ra vào: một lối thông với không gian trống ngoài nhà và một lối thông với hành lang chính để thoát nạn. + Được ngăn cách với các phần khác của nhà bằng các bộ phận ngăn cháy loại 1. + Có lắp đặt các thiết bị thông tin và đầu mối của hệ thống báo cháy liên hệ với tất cả các khu vực của ngôi nhà. + Có bảng theo dõi, điều khiển các thiết bị chữa cháy, thiết bị không chế khói và có sơ đồ mặt bằng bố trí các thiết bị PCCC của nhà. 2. Tất cả các tầng hầm trong nhà có từ 2 đến 3 tầng hầm, phải được trang bị hệ thống liên lạc khẩn cấp hai chiều giữa phòng trực điều khiển chống cháy tới những khu vực sau: - Các phòng thiết bị liên quan đến hệ thống chữa cháy, đặc biệt là các phòng máy bơm của hệ thống sprinkler, phòng máy bơm cấp nước vào hệ thống ống đứng, phòng chuyển mạch, phòng máy phát điện và phòng máy thang máy. - Tất cả các phòng lắp đặt thiết bị điều khiển hệ thống kiểm soát chữa cháy. Tất cả các gian lánh nạn. - Các phòng điều khiển hệ thống thông gió.														
-	Gian phòng hạng A, B	Đ 2.6.5 Đ 3.1.6 Đ 4.8														
-	Gian phòng kỹ thuật, kho thuộc hạng C1 đến C3	A.1.3.10														
-	Phòng đặt máy biến áp, máy phát điện	Đ 2.86 Phần III 11 TCN-20-2006														

		- Phòng máy biến áp dầu: + Máy biến áp phải được đặt trong phòng riêng ở tầng 01, được ngăn cách với phòng khác và có cửa mở ra ngoài nhà. + Máy biến áp dầu ở cao độ thấp hơn tầng 01 khoảng 1 m. Tuy nhiên, phải có hệ thống thoát dầu (đối với máy biến áp có lượng dầu trên 600 kg). 2. Phòng đặt máy phát điện: Cho phép bố trí tại tầng hầm thứ nhất, tầng bán hầm - Gian dự trữ dầu phải ngăn cách với gian máy phát bằng tường ngăn cháy; lượng dầu cấp cho máy phát hoạt động không vượt quá 03 giờ làm việc cho 01 máy; không quá 8 giờ làm việc đồng thời cho tất cả các máy. - Trang bị hệ thống báo cháy và hệ thống chữa cháy tự động theo quy định. - Đối với gara để xe: Bố trí không dưới tầng thứ 1 (tầng trên cùng) của tầng hầm - Không đặt trực tiếp dưới phòng của nhà trẻ, phòng điều trị của bệnh viện, phòng hành chính	D 2.212 Phần III 11 TCN-20-2006 Tiêu chuẩn GB 50045 - 95TCVN 4470.
-	Phòng đặt máy bơm chữa cháy		D 2.2.2 QCVN 13. B 7.4 TCVN 4513.
-	Gara ô tô	Kiểm tra các nội dung theo hướng dẫn tại bảng 3.20	QCVN 13:2018/BXD
-	Thiết bị, đường ống dẫn khí (nếu có)	- Không được bố trí nơi hơi: + Với áp lực lớn hơn 0,7 at hoặc với nhiệt độ trên 115°C trong nhà ở, nhà và công trình công cộng. + Chạy bằng hơi đốt dưới những gian nhà, trong đó thường xuyên có tới 50 người. + Trong trường hợp công trình cần thiết phải có nơi hơi, thì phải bố trí trong gian nhà riêng, để đảm bảo yêu cầu phòng cháy, nổ. - Không bố trí các đường ống dẫn khí lỏng để bốc cháy, cháy được dưới các ngôi nhà và công trình.	D 9.16 TCVN 2622
1.3	Biên quảng cáo	- Vị trí lắp đặt biên quảng cáo không che kín toàn bộ nhà, công trình, che lấp các lối thoát nạn, ban công; + Phải đảm bảo các quy định an toàn điện; + An toàn về kết cấu, vật liệu xây dựng; + Không được gây ảnh hưởng, che lấp hoặc làm cản trở đến các lối thoát nạn và khả năng cứu hộ cứu nạn. - Phải liên kết cố định, chắc chắn với công trình và các quy định sau: + Mặt trước hoặc mặt sau: Mỗi tầng được đặt 01 (một) bảng quảng cáo ngang và 01 (một) bảng quảng cáo dọc liền kề biên hiệu (nếu có); Trường hợp không có biên hiệu cũng chỉ được đặt 01 (một) bảng quảng cáo ngang và 01 (một) bảng quảng cáo dọc; * Đối với bảng quảng cáo, hộp đèn ngang: nhỏ ra khỏi mặt ngoài công trình tối đa 0,2 m với chiều cao tối đa 2 m, chiều ngang không được vượt quá giới hạn chiều ngang công trình; * Đối với bảng quảng cáo, hộp đèn dọc: ốp/gắn sát vào mặt ngoài công trình với chiều ngang tối đa 1 m, chiều cao tối đa 4 m nhưng không vượt quá chiều cao của tầng công trình nơi đặt bảng quảng cáo. + Mặt bên: Bảng quảng cáo, hộp đèn phải liên kết chắc chắn, cố định sát vào mặt bên công trình. Số lượng và vị trí bảng quảng cáo, hộp đèn phải phù hợp với quy hoạch quảng cáo được phê duyệt và tuân theo quy định sau: * Diện tích bảng quảng cáo, hộp đèn chỉ cho phép tối đa bằng 50% diện tích mặt bên công trình với kích thước không vượt quá giới hạn mặt bên công trình tại vị trí đặt bảng; * Đối với công trình có chiều cao đến 4 tầng, chiều cao của bảng quảng cáo, hộp đèn không được nhỏ hơn 1,5 m; * Đối với công trình có chiều cao từ 5 tầng trở lên, toàn bộ diện tích bảng quảng cáo, hộp đèn không vượt quá giới hạn diện tích mặt bên công trình. - Hệ thống điện chiếu sáng cho biên quảng cáo: + Là nguồn điện riêng và có cầu dao, aptomat bảo vệ. + Các thiết bị chiếu sáng phải sử dụng các lá chắn và nắp chụp tránh chập cháy; + Phải có nguồn cấp riêng và cầu dao, aptomat bảo vệ; * Hệ thống dây dẫn nguồn cấp điện phải có lớp vỏ cách điện để tránh bị gây chập, chập điện từ dây nguồn, trong hộp đầu dây kỹ thuật do ảnh hưởng của thời tiết; * Các mối nối của hệ thống chiếu sáng bên trong phải đảm bảo yêu cầu cách điện, giảm thiểu tác dụng nhiệt tỏa ra từ các loại đèn chiếu sáng	D 6 K2 DD6 Thông tư số 14/2020/TT-BCA QCVN 17:2018/BXD

		làm bất lửa, gây cháy lan sang các bộ phận liền kề khác; - Không để hàng hoá, vật liệu để cháy bên dưới hoặc gần với vị trí đặt biển quảng cáo;		QCVN 06:2020/BXD
2	Yêu cầu về ngăn cháy lan			Đ 4.5
2.1	Giữa các khoang cháy, gian phòng có công năng khác nhau	Phải được ngăn cách với nhau bằng các kết cấu ngăn cách với GHCL và cấp nguy hiểm cháy kết cấu theo quy định hoặc ngăn cách nhau bằng các bộ phận ngăn cháy.		Đ m K2 DD6 Thông tư số 147/2020/TT-BCA
2.2	Đối với gian phòng, khu vực kinh doanh vũ trường, Karaoke	Khu vực kinh doanh dịch vụ karaoke, dịch vụ vũ trường phải được ngăn cách với các khu vực có công năng khác bằng tường và sàn ngăn cháy có GHCL $\geq$ REI 45 đối với nhà có BCL IV; có GHCL $\geq$ REI 150 đối với nhà có BCL I, II, III.		
		Tường ngăn giữa hành lang và các gian phòng phải làm bằng vật liệu không cháy hoặc khó bắt cháy với GHCL $\geq$ EI 30 đối với nhà có BCL I và GHCL $\geq$ EI 15 đối với nhà có BCL II, III, IV;		
		Gian phòng có diện tích từ 50 m ² trở lên và các gian phòng trong tầng hầm, tầng nửa hầm phải được sử dụng vật liệu trang trí nội thất, vật liệu cách âm, cách nhiệt là vật liệu không cháy hoặc khó bắt cháy;		
2.3	Ngăn cháy lan đối với giếng thang máy (nếu có)	Tại vị trí lỗ cửa đi của giếng thang máy: - Phải có cửa ngăn cháy; - Không có cửa: Phải bố trí các khoang đệm hoặc các vách ngăn cháy loại I và sàn ngăn cháy loại 3 hoặc các màn chắn tự động đóng các lỗ cửa đi của giếng thang khi cháy, có GHCL không nhỏ hơn E 30 - Phải có khoang đệm ngăn cháy loại I có áp suất không khí dương khi cháy trước lối vào các thang máy trong các tầng hầm hoặc tầng nửa hầm.		Đ 4.23
2.4	Tường ngăn cháy, vách ngăn cháy	- Tường ngăn cháy phải bảo đảm các yêu cầu sau: + Bố trí trên toàn bộ chiều cao nhà; + Không để cháy lan truyền từ phía nguồn cháy vào khoang cháy liền kề khi các kết cấu nhà ở phía có cháy bị sụp đổ. - Tại các vị trí giao nhau giữa các bộ phận ngăn cháy với các kết cấu bao che của nhà, kể cả tại các vị trí thay đổi hình dạng nhà, phải có các giải pháp bảo đảm không để cháy lan truyền qua các bộ phận ngăn cháy này.		Đ 4.28
2.6	Bố trí các kênh, giếng, ô cửa trên tường, sàn ngăn cháy			Đ 4.17
-	Bố trí đường ống, kênh, giếng kỹ thuật đi xuyên qua tường, sàn ngăn cháy loại I	- Kênh, giếng và đường ống vận chuyển khí cháy, hỗn hợp bụi - khí cháy, chất lỏng cháy, chất và vật liệu cháy, không bố trí: + Xuyên qua các tường và sàn ngăn cháy; + Trong không gian bên trên các trần treo - Các kênh, giếng và đường ống để vận chuyển các chất và vật liệu khác với các loại trên đi xuyên qua tường, sàn ngăn cháy: Tại các vị trí giao cắt phải có thiết bị tự động ngăn cản sự lan truyền của các sản phẩm cháy theo các kênh, giếng và ống dẫn. CHÚ THÍCH 1: Cho phép đặt ống thông gió và ống khói trong tường ngăn cháy của nhà ở, công trình công cộng và nhà phụ trợ khi chiều dày tối thiểu của tường ngăn cháy (trừ tiết diện đường ống) ở chỗ đó không được dưới 25 cm, còn bề dày phần ngăn giữa ống khói và ống thông hơi tối thiểu là 12 cm. CHÚ THÍCH 2: Những lỗ đặt ống dẫn nước ở bộ phận ngăn cháy phải được xử lý phù hợp với quy định trong 4.12.		Đ 4.22
		Không bố trí các kênh và đường ống để vận chuyển các chất cháy dạng khí, hỗn hợp bụi - khí, chất lỏng và vật liệu cháy trong không gian bên trên các trần treo		Đ 4.15
-	Tại vị trí đường ống, kênh, giếng kỹ thuật đi xuyên qua tường, sàn ngăn cháy	Phải được chèn bịt hoặc xử lý thích hợp để không làm giảm các chỉ tiêu kỹ thuật về cháy theo yêu cầu của kết cấu.		Đ 4.12

-	Các cửa đi, công, cửa nắp và van tại lỗ thông trong các bộ phận ngăn cháy	- Phải được đóng kín khi có cháy. - Cửa của các khoang đệm ngăn cháy, cửa đi, công, cửa nắp ngăn cháy trong các bộ phận ngăn cháy: + Không mở được + Mở được: * Phải có cơ cấu tự đóng và các khe cửa phải được chèn kín. * Có thiết bị tự động đóng kín khi có cháy. - Cửa được phép làm từ vật liệu thuộc nhóm có tính cháy Ch3 với chiều dày không nhỏ hơn 40 mm và không có hốc rỗng ở kết cấu ngăn cháy của gian phòng: + Không bảo quản và không sử dụng các chất khí cháy, chất lỏng cháy và vật liệu cháy; + Không có các quá trình công nghệ liên quan tới việc hình thành các bụi cháy	D 4.18 D 4.21														
	Các cửa đi trong bộ phận ngăn cháy dùng để ngăn các gian phòng hạng A hoặc B với các không gian khác	Với gian phòng có hạng khác với hạng A hoặc B, hành lang, buồng thang bộ và sảnh thang máy: - Phải bố trí các khoang đệm luôn có áp suất không khí dương. Không bố trí các khoang đệm chung cho hai gian phòng trở lên cùng có hạng A hoặc B. - Trường hợp không bố trí các khoang đệm phải duy trì giải pháp nhằm ngăn ngừa sự lan truyền của đám cháy và sự xâm nhập vào các phòng và tầng liên kế của các khí, hơi để bắt cháy, hơi của các chất lỏng, bụi và xơ cháy mà các chất này có khả năng tạo thành các nồng độ nguy hiểm nổ.															
-	Tỷ lệ của trên bộ phận ngăn cháy	Tổng diện tích các lỗ cửa trong các bộ phận ngăn cháy, từ kết cấu bao che của các giếng thang máy, không được vượt quá 25 % diện tích của bộ phận ngăn cháy	D 4.19														
2.7	Diện tích khoang cháy	<table><thead><tr><th>Bậc chịu lửa của nhà</th><th>Diện tích cho phép lớn nhất của một tầng trong phạm vi một khoang cháy, m²</th></tr></thead><tbody><tr><td>I, II</td><td>2 200</td></tr><tr><td>III</td><td>1 800</td></tr><tr><td>IV</td><td>1 400</td></tr><tr><td>V</td><td>1 000</td></tr><tr><td>V</td><td>1 000</td></tr><tr><td>V</td><td>800</td></tr></tbody></table> CHÚ THÍCH 1: Trong các nhà có bậc chịu lửa I và II, khi có trang bị hệ thống chữa cháy tự động thì diện tích khoang cháy cho trong Bảng H.3 được phép tăng lên nhưng không quá 2 lần. CHÚ THÍCH 2: Các tường (mặt tường), vách và trần bằng gỗ của nhà có bậc chịu lửa V sử dụng làm nhà trẻ phải được bảo vệ chống cháy. CHÚ THÍCH 3: Nếu trong phạm vi khoang cháy của nhà 1 tầng có một phần nhà 2 tầng với diện tích chiếm không quá 15 % diện tích của khoang cháy thì khoang cháy đó vẫn được coi như nhà 1 tầng. CHÚ THÍCH 7: Những phần phụ của nhà chính như mái hiên, sân thượng, hành lang ngoài... được phép lấy bậc chịu lửa thấp hơn 1 bậc so với bậc chịu lửa của nhà chính. CHÚ THÍCH 10: Trong các gian tiền sảnh và phòng chờ có diện tích lớn hơn giá trị trong Bảng H.3, cho phép thay thế tường ngăn cháy bằng vách ngăn cháy trong suốt loại 2.	Bậc chịu lửa của nhà	Diện tích cho phép lớn nhất của một tầng trong phạm vi một khoang cháy, m ²	I, II	2 200	III	1 800	IV	1 400	V	1 000	V	1 000	V	800	B H3
Bậc chịu lửa của nhà	Diện tích cho phép lớn nhất của một tầng trong phạm vi một khoang cháy, m ²																
I, II	2 200																
III	1 800																
IV	1 400																
V	1 000																
V	1 000																
V	800																
2.8	Ngăn cháy đối với trần treo (nếu có)	- Phải đáp ứng các yêu cầu về tính nguy hiểm cháy của vật liệu ngăn cháy; - Vách ngăn cháy trong gian phòng có trần treo phải ngăn chia cả không gian phía trên trần treo đó.	D 4.15														
3	Lối ra thoát nạn																
3.1	Xác định lối ra thoát nạn																
-	Dẫn từ các gian phòng ở tầng 1 ra ngoài theo một trong những cách sau:	- Ra ngoài trực tiếp. - Qua hành lang. - Qua tiền sảnh (hay phòng chờ).	D 3.2.1														

		- Qua buồng thang bộ. - Qua hành lang và tiền sảnh (hay phòng chờ). - Qua hành lang và buồng thang bộ.		
-	Dẫn từ các gian phòng của tầng bất kỳ, trừ tầng 1	- Trực tiếp vào buồng thang bộ hay tới cầu thang bộ loại 3. - Vào hành lang dẫn trực tiếp vào buồng thang bộ hay tới cầu thang bộ loại 3. - Vào phòng sử dụng chung (hay phòng chờ) có lối ra trực tiếp dẫn vào buồng thang bộ hoặc tới cầu thang bộ loại 3. - Vào hành lang bên của nhà dưới 28 m dẫn trực tiếp vào cầu thang bộ loại 2. - Dẫn vào gian phòng liền kề (trừ gian phòng nhóm F5 hạng A hoặc B) trên cùng tầng mà từ gian phòng này có các lối ra thoát nạn. - Lối ra dẫn vào gian phòng hạng A, B: Dẫn từ gian phòng kỹ thuật không có chỗ cho người làm việc thường xuyên mà chỉ dùng để phục vụ các gian phòng hạng A, B.	Đ 3.2.1	
-	Lối ra từ tầng hầm	- Cầu thang bộ từ các tầng hầm và tầng nửa hầm phải bảo đảm các yêu cầu: + Thoát trực tiếp ra ngoài hoặc có lối đi riêng ra bên ngoài được ngăn cách với phần còn lại của buồng thang bộ bằng vách đặc ngăn cháy loại 1 + Tách biệt với các buồng thang bộ chung của nhà. - Cầu thang bộ từ tầng hầm lên tầng 1: + Thang bộ riêng biệt đối với: Gian phòng hạng C, D, E, đi vào các gian phòng hạng C4, D và E và vào sảnh nằm trên tầng một của nhà nhóm F5 (bảo đảm điều 4.25). + Cầu thang bộ riêng loại 2 từ các lối ra thoát nạn đối với: Phòng chờ, phòng gửi đồ, phòng hút thuốc và phòng vệ sinh ở các tầng hầm hoặc tầng nửa hầm của nhà nhóm F2, F3 và F4 đi vào sảnh của tầng 1. - Khoang đệm, kể cả khoang đệm kép trên lối ra ngoài trực tiếp từ nhà, từ tầng hầm và tầng nửa hầm.	Đ 3.2.2	
-	Lối ra cho khu vực lớn hơn 50 người	- Phải đảm bảo lối thoát nạn riêng cho các gian phòng (trực tiếp ra ngoài hoặc vào buồng thang bộ thoát nạn) khi thỏa mãn các yêu cầu sau: - Có số người sử dụng đồng thời lớn hơn 50 người; - Có tính nguy hiểm cháy theo công năng khác với ngôi nhà	Đ 3.2.4	
-	Các trường hợp không coi là lối thoát nạn	- Cửa hay công có cánh mở kiểu trượt hoặc xếp, cửa cuốn, cửa quay. - Đường, lối đi thoát nạn không không bảo đảm kích thước theo quy định.	Đ 3.2.3	
3.2	Lối ra thoát nạn của gian phòng công cộng chung			
-	Số lối ra thoát nạn	- Không ít hơn 02 lối thoát nạn: + Các gian phòng trong các tầng hầm và tầng nửa hầm có mặt đồng thời hơn 15 người; riêng các gian phòng trong tầng hầm và tầng nửa hầm có từ 6 đến 15 người có mặt đồng thời thì cho phép một trong hai lối ra là lối ra khẩn cấp (Điều 3.2.13). + Các gian phòng có mặt đồng thời hơn 50 người.	Đ 3.2.5	
		- Các gian phòng sau được phép có 01 lối ra thoát nạn: + Gian phòng trong các tầng hầm và tầng nửa hầm: * Có mặt đồng thời dưới 6 người hoặc * Không thường xuyên có mặt đồng thời 15 người * Có mặt đồng thời từ 6 đến 15 người thì cho một trong hai lối ra là lối thoát khẩn cấp. - Gian phòng không thường xuyên có mặt đồng thời hơn 50 người hoặc có mặt đồng thời đến 50 người.		
-	Lối ra thoát nạn của gian phòng (cửa đi của các gian phòng ra hành lang	- Chiều cao thông thủy của lối ra thoát nạn phải $\geq 1,9$ m - Chiều rộng thông thủy không nhỏ hơn: + $\geq 1,2$ m: Gian phòng khác có số người thoát nạn lớn hơn 50 người,.	Đ 3.2.9	

	chung	+ 0,8 m – trong tất cả các trường hợp còn lại.																																																																								
-	Chiều rộng lối ra thoát nạn của gian phòng không có ghế ngồi cho khán giả của nhà công cộng	Loại sử dụng của gian phòng		Bậc chịu lửa của nhà		Số lượng người tối đa trên 1 mét chiều rộng của lối ra thoát nạn trong các gian phòng có khối tích (nghìn m ³)					B G5																																																															
		2- Các gian phòng khác.		I, II	75	100	125	10																																																																		
			III, IV	50	70	*																																																																				
			V	40	*	*																																																																				
			CHÚ THÍCH: (*) Số lượng người tối đa trên 1 m chiều rộng của lối ra thoát nạn phải được xác định theo luận chứng kỹ thuật riêng.																																																																							
3.2	Đối với tầng nhà												D 3.2.6																																																													
-	Số lối thoát nạn	Không ít hơn 02 lối thoát nạn										D 3.2.6																																																														
		Tầng nhà được phép có 01 lối ra thoát nạn: + Có số người trên mỗi tầng ≤20 người và khi lối thoát nạn đi vào buồng thang bộ không nhiễm khói có cửa đi ngăn cháy loại 2 + Đáp ứng điều kiện sau: * Đối với nhà có chiều cao ≤ 15 m thì diện tích mỗi tầng ≤ 300 m2. * Đối với nhà có chiều cao từ > 15 m đến 21 m thì diện tích mỗi tầng ≤ 200 m2 và toàn bộ nhà được bảo vệ bằng hệ thống chữa cháy tự động.																																																																								
-	Khoảng cách thoát nạn an toàn	<table><tr><th rowspan="2">(1)</th><th colspan="5">Khoảng cách, m, khi mật độ dòng người thoát nạn, người/m², là</th><th rowspan="2">(6)</th></tr><tr><th>Đến 2</th><th>Từ lớn hơn 2 đến 3</th><th>Từ lớn hơn 3 đến 4</th><th>Từ lớn hơn 4 đến 5</th><th>Lớn hơn 5</th></tr><tr><td colspan="7">A. Từ gian phòng có cửa ra bố trí ở giữa các buồng thang bộ hoặc ở giữa các lối ra bên ngoài</td></tr><tr><td>I, II, III</td><td>60</td><td>50</td><td>40</td><td>35</td><td>20</td></tr><tr><td>IV</td><td>40</td><td>35</td><td>30</td><td>25</td><td>15</td></tr><tr><td>V</td><td>30</td><td>25</td><td>20</td><td>15</td><td>10</td></tr><tr><td colspan="7">B. Từ gian phòng có cửa ra mở vào hành lang cắt hoặc mở vào sảnh chung</td></tr><tr><td>I, II, III</td><td>30</td><td>25</td><td>20</td><td>15</td><td>10</td></tr><tr><td>IV</td><td>20</td><td>15</td><td>10</td><td>7</td><td></td></tr><tr><td>V</td><td>15</td><td>10</td><td>10</td><td>5</td><td>5</td></tr></table> CHÚ THÍCH 1: Mật độ dòng người thoát nạn được xác định bằng tỉ số giữa tổng số người phải thoát nạn theo đường thoát nạn và diện tích của đường thoát nạn đó.										(1)	Khoảng cách, m, khi mật độ dòng người thoát nạn, người/m ² , là					(6)	Đến 2	Từ lớn hơn 2 đến 3	Từ lớn hơn 3 đến 4	Từ lớn hơn 4 đến 5	Lớn hơn 5	A. Từ gian phòng có cửa ra bố trí ở giữa các buồng thang bộ hoặc ở giữa các lối ra bên ngoài							I, II, III	60	50	40	35	20	IV	40	35	30	25	15	V	30	25	20	15	10	B. Từ gian phòng có cửa ra mở vào hành lang cắt hoặc mở vào sảnh chung							I, II, III	30	25	20	15	10	IV	20	15	10	7		V	15	10	10	5	5	Bảng G2a
(1)	Khoảng cách, m, khi mật độ dòng người thoát nạn, người/m ² , là					(6)																																																																				
	Đến 2	Từ lớn hơn 2 đến 3	Từ lớn hơn 3 đến 4	Từ lớn hơn 4 đến 5	Lớn hơn 5																																																																					
A. Từ gian phòng có cửa ra bố trí ở giữa các buồng thang bộ hoặc ở giữa các lối ra bên ngoài																																																																										
I, II, III	60	50	40	35	20																																																																					
IV	40	35	30	25	15																																																																					
V	30	25	20	15	10																																																																					
B. Từ gian phòng có cửa ra mở vào hành lang cắt hoặc mở vào sảnh chung																																																																										
I, II, III	30	25	20	15	10																																																																					
IV	20	15	10	7																																																																						
V	15	10	10	5	5																																																																					
-	Chiều rộng của một lối ra thoát nạn, từ hành lang vào buồng thang bộ	- Nhà có bậc chịu lửa I, II không được lớn hơn 165 người/m. - Nhà có bậc chịu lửa III, IV không được lớn hơn 115 người/m. - Nhà có bậc chịu lửa V không được lớn hơn 80 người/m.										G2.1																																																														
		Số người lớn nhất trong một gian phòng, một tầng hoặc của ngôi nhà được tính toán với hệ số sản là 1 m2/người										D K2 D 6 TT số 147/2020/TT-BCA																																																														
-	Lối ra khẩn cấp	Lối ra khẩn cấp không được đưa vào tính toán thoát nạn khi cháy.										D 3.2.12																																																														
		Lối ra khẩn cấp còn gồm có: - Lối ra ban công hoặc lôgiã, mà ở đó có khoảng tường đặc với chiều rộng không nhỏ hơn 1,2 m tính từ mép ban công (lôgiã)										D 3.2.13																																																														

		tối ô cửa sổ (hay cửa đi lắp kính) hoặc không nhỏ hơn 1,6 m giữa các ô cửa kính mở ra ban công (lôgia). - Lối ra ban công hoặc lôgia, mà ở đó có trang bị thang bên ngoài nối các ban công hoặc lôgia theo từng tầng. - Lối ra bên ngoài trực tiếp từ các gian phòng có cao trình sàn hoàn thiện không thấp hơn 4,5 m và không cao hơn 5,0 m qua cửa sổ hoặc cửa đi có kích thước không nhỏ hơn 0,75 m x 1,5 m, cũng như qua cửa nắp có kích thước không nhỏ hơn 0,6 m x 0,8 m; khi đó tại các lối ra này phải được trang bị thang leo; độ dốc của các thang leo này không quy định. - Lối ra mái của nhà có bậc chịu lửa I, II và III thuộc cấp S0 và S1 qua cửa sổ, cửa đi hoặc cửa nắp với kích thước và thang leo được quy định như tại mục d).	Đ 3.2.14
-	Lối thoát nạn tầng kỹ thuật	- Chiều cao tối thiểu 1,8 m. - Từ các tầng kỹ thuật chỉ dùng để đặt các mạng kỹ thuật công trình (đường ống, đường dây,...), lối ra khẩn cấp: + Qua cửa đi với kích thước tối thiểu (0,75x1,5) m hoặc; + Qua cửa nắp với kích thước tối thiểu (0,6x0,8) m mà không cần bố trí lối ra thoát nạn. - Khi tầng kỹ thuật có diện tích tới 300 m²: Cho phép 01 lối ra thoát nạn; diện tích tiếp theo ≤ 2.000 m² thì phải bố trí thêm ≥ 01 lối ra thoát nạn. - Trong các tầng kỹ thuật hầm các lối ra này phải được ngăn cách với các lối ra khác của ngôi nhà và dẫn trực tiếp ra bên ngoài	Đ 3.2.8
3.3	Bố trí lối thoát nạn phân tán của gian phòng, nhà có từ 02 lối thoát nạn trở lên	- Phải được bố trí phân tán - Khoảng cách giữa hai lối ra thoát nạn: Theo đường thẳng nối giữa hai cạnh gần nhất của 02 lối. Nếu nhà được bảo vệ toàn bộ bằng hệ thống chữa cháy tự động Sprinkler, thì khoảng cách này có thể giảm xuống còn 1/3 chiều dài đường chéo lớn nhất của các không gian trên. - Khi có hai buồng thang thoát nạn trên 01 hành lang trong: Khoảng cách giữa hai lối ra thoát nạn (cửa vào buồng thang thoát nạn) được đo dọc theo đường đi chuyển theo hành lang đó.	
4	Đường thoát nạn của tầng nhà		
4.1	Yêu cầu đối với đường thoát nạn	- Bảo đảm di chuyển liên tục và không bị chặn từ một điểm bất kỳ trong nhà đến lối ra bên ngoài - Các trường hợp không được coi là đường thoát nạn. + Thang máy, thang cuốn và các đoạn đường được nêu dưới đây: * Đi qua các hành lang trong có lối ra từ giếng thang máy, qua các sảnh thang máy và các khoang đệm trước thang máy, nếu các kết cấu bao che giếng thang máy, bao gồm cả cửa của giếng thang máy, không đáp ứng các yêu cầu như đối với bộ phận ngăn cháy. * Đi qua các buồng thang bộ khi có lối đi xuyên chiều tới của buồng thang là một phần của hành lang trong, cũng như đường đi qua gian phòng có đặt cầu thang bộ loại 2, mà cầu thang này không phải là cầu thang để thoát nạn. * Đi theo mái nhà, ngoại trừ mái đang được khai thác sử dụng hoặc một phần mái được trang bị riêng cho mục đích thoát nạn. * Đi theo các cầu thang bộ loại 2, nối thông từ ba tầng (sàn) trở lên, cũng như dẫn từ tầng hầm và tầng nửa hầm, ngoại trừ các trường hợp nêu trong Điều 3.2.2.	Đ 3.3.1 Đ 3.3.3
4.2	Chiều rộng, chiều cao thông thủy hành lang	Chiều cao thông thủy: ≥ 2 m; Chiều rộng thông thủy: - ≥ 1,2 m đối với hành lang chung dùng để thoát nạn cho hơn 50 người từ các gian phòng thuộc nhóm nguy hiểm cháy khác. - ≥ 0,7 m đối với các lối đi đến các chỗ làm việc đơn lẻ. - ≥ 1,0 m trong tất cả các trường hợp còn lại.	Đ 3.3.6
		Trên đường thoát nạn có cánh cửa đi của gian phòng mở nhỏ ra hành lang, chiều rộng của đường thoát nạn bằng chiều rộng thông thủy của hành lang trừ đi: - Một nửa chiều rộng phần nhỏ ra của cánh cửa (tính cho cửa nhớ ra nhiều nhất) - khi cửa được bố trí một bên hành lang.	Đ 3.3.5

		- Cả chiều rộng phần nhô ra của cánh cửa (tính cho cửa nhô ra nhiều nhất) - khi các cửa được bố trí hai bên hành lang.	
4.3	Các yêu cầu trên đường thoát nạn		
-	Lắp đặt thiết bị trên đường thoát nạn	- Không cho phép bố trí: + Thiết bị nhô ra khỏi mặt phẳng của tường trên độ cao nhỏ hơn 2 m; + Ông dẫn khi cháy và ông dẫn các chất lỏng cháy được; + Các tủ tường, trừ các tủ thông tin liên lạc và tủ đặt họng nước chữa cháy. - Gương soi gây ra sự nhầm lẫn về đường thoát nạn	D 3.3.5 D 3.3.7
-	Sàn của đường thoát nạn	- Không được có các giật cấp với chiều cao chênh lệch nhỏ hơn 45 cm hoặc có gờ nhô lên, ngoại trừ các ngưỡng trong các ô cửa đi. - Khi có chỗ giật cấp, tại chỗ giật cấp phải bảo đảm các yêu cầu sau + Bố trí bậc thang với số bậc không nhỏ hơn 3 hoặc làm đường dốc với độ dốc không được lớn hơn 1:6 (độ chênh cao không được quá 10 cm trên chiều dài 60 cm hoặc góc tạo bởi đường dốc với mặt bằng không lớn hơn 9,5°). + Bố trí lan can tay vịn tại nơi bậc thang có chiều cao chênh lệch lớn hơn 45 cm - Không bố trí cầu thang xoắn ốc, cầu thang cong toàn phần hoặc từng phần theo mặt bằng và trong phạm vi một bản thang và một buồng thang bộ không bố trí các bậc có chiều cao khác nhau và chiều rộng mặt bậc khác nhau.	D 3.3.7
-	Vật liệu trên đường thoát nạn	- Vật liệu hoàn thiện, trang trí trên tường, trần và tấm trần treo trong các sảnh, trong buồng thang bộ, sảnh thang máy, hành lang, sảnh chờ phải làm bằng vật liệu xử lý chống cháy. - Khung trần treo trên đường thoát nạn phải làm bằng vật liệu không cháy. - Phải được bao bọc bằng các bộ phận ngăn cháy phù hợp: + Nhà có BCL I: Vật liệu không cháy với GHCL ít nhất EI 30; + Nhà có BCL II, III, IV: Vật liệu không cháy hoặc cháy yếu (Ch1) với GHCL ít nhất EI 15; + Nhà có BCL II của hạng nguy hiểm cháy và cháy nổ D, E: Có thể bằng tường kính. + Cửa mở vào hành lang phải là cửa ngăn cháy có GHCL không thấp hơn giới hạn chịu lửa của bộ phận ngăn cháy.	D 3.3.4 D 3.3.5
-	Ngăn trên hành lang	Các hành lang dài hơn 60 m phải được phân chia bằng các vách ngăn cháy loại 2 thành các đoạn có chiều dài tối thiểu 60 m.	D 3.3.5
5	Cửa đi trên đường, lối ra thoát nạn		
-	Hướng mở cửa	- Phải được mở theo chiều lối thoát từ trong nhà ra ngoài. - Không quy định chiều mở của các cửa đối với: + Các gian phòng có mặt đồng thời không quá 15 người. + Các phòng kho có diện tích không lớn hơn 200 m² và không có chỗ cho người làm việc thường xuyên. + Các buồng vệ sinh. + Các lối ra dẫn vào các chiều thang của các cầu thang bộ loại 3.	D 3.2.10
-	Yêu cầu đối với cửa trên lối thoát nạn	- Không có chốt khóa để có thể mở được cửa tự do từ bên trong mà không cần chìa. - Nhà có chiều cao lớn hơn 15 m: Cửa thoát nạn phải là cửa đặc hoặc với kính cường lực. - Cửa thoát nạn của gian phòng, hành lang bảo vệ chống khói cưỡng bức: Cửa đặc, có cơ cấu tự đóng và khe cửa phải được chèn kín khe cửa - Cửa tại buồng thang bộ thoát nạn: Có cơ cấu tự đóng và khe cửa phải được chèn kín khe cửa; cửa mở trực tiếp ra ngoài không bắt buộc phải chèn kín khe cửa. - Cửa đi vào buồng thang bộ phải là cửa ngăn cháy (loại I đối với nhà có bậc chịu lửa I, II; loại 2 đối với nhà có bậc chịu lửa III, IV; loại 3 đối với nhà có bậc chịu lửa V).	D 3.2.11

-	Yêu cầu đối với cửa đi từ hành lang vào buồng thang thoát nạn phục vụ từ 04 tầng trở lên (nhà 04 tầng hoặc cầu thang thông từ 04 tầng trở lên)	- Khi lắp đặt khóa điện trên cửa phải tự động mở khi: Hệ thống báo cháy tự động của tòa nhà bị kích hoạt; ngay khi mất điện. - Có thể đi từ buồng thang bộ quay trở lại phía trong nhà (tầng, gian phòng của nhà...) qua cửa thoát nạn vào buồng thang bộ. - Điểm quay trở lại phía trong nhà từ buồng thang bộ được bố trí theo nguyên tắc cánh cửa chỉ được phép ngăn cản việc quay trở lại phía trong nhà nếu đáp ứng tất cả các yêu cầu sau: + Có không ít hơn hai tầng, ở đó có thể đi ra khỏi buồng thang bộ để đến một lối ra thoát nạn khác. + Có không quá 4 tầng nằm giữa các tầng nhà có thể đi ra khỏi buồng thang bộ để đến một lối ra thoát nạn khác. + Việc quay trở lại phía trong nhà phải có thể thực hiện được tại tầng trên cùng hoặc tầng dưới liền kề với tầng trên cùng được phục vụ bởi buồng thang bộ thoát nạn nếu tầng này cho phép đi đến một lối ra thoát nạn khác. + Các cửa cho phép quay trở lại phía trong nhà phải được đánh dấu trên mặt cửa phía trong buồng thang bằng dòng chữ "Cửa có thể đi vào trong nhà" với chiều cao các chữ ít nhất là 50 mm, chiều cao bố trí từ 1,2 m đến 1,8 m. + Các cửa không cho phép quay trở lại phía trong nhà phải có thông báo trên mặt cửa phía trong buồng thang và ở mặt cửa phía hành lang trong nhà.	Đ 3.2.11
6	Cầu thang bộ		
6.1	Bố trí cầu thang bộ trong nhà		
-	Thang bộ loại 1 (cầu thang bên trong nhà, được đặt trong buồng thang)	Bố trí trong tất cả các nhà có chiều cao tới 28 m;	Đ 3.4.11
-	Thang bộ loại 2 (cầu thang bên trong nhà, để hở) và thang cuốn	- Bố trí cầu thang đi từ tiền sảnh lên tầng hai nhà có BCL I và II thuộc cấp nguy hiểm cháy kết cấu S0. Sảnh phải được ngăn cách khỏi các hành lang và các gian phòng liền kề bằng vách ngăn cháy loại 1 - Các thang cuốn phải được bố trí phù hợp các yêu cầu quy định cho cầu thang bộ loại 2 Phải thỏa mãn các yêu cầu quy định đối với bản thang và chiều thang trong buồng thang bộ.	Đ 3.4.15 Đ 3.4.17
-	Thang bộ loại 3 (cầu thang bên ngoài nhà, để hở)	Bố trí trong tất cả các nhà có chiều cao tới 28 m;	Đ 3.4.2 Đ 3.4.11
-		- Làm bằng vật liệu không cháy - Đặt ở sát các phần đặc (không có ô cửa sổ hay lỗ ánh sáng) của tường có nhóm nguy hiểm cháy không thấp hơn K1 và có GHCL không thấp hơn REI 30. - Phải có chiều thang nằm cùng cao trình với lối ra thoát nạn, có lan can cao 1,2 m và bố trí cách lỗ cửa sổ không nhỏ hơn 1,0 m.	Đ 3.4.2
-	Buồng thang bộ L1 (có các lỗ cửa ở tường ngoài trên mỗi tầng, để hở hoặc lắp kính)	Bố trí trong tất cả các nhà có chiều cao tới 28 m;	Đ 3.4.11
		Lỗ lấy ánh sáng với diện tích không nhỏ hơn 1,2 m ² trên các tường ngoài ở mỗi tầng.	Đ 3.4.8

-	Buồng thang bộ L2 (được chiếu sáng tự nhiên qua các lỗ ở trên mái, để hờ hoặc lắp kính).	- Được bố trí trong các nhà có BCL I, II, III thuộc cấp nguy hiểm cháy kết cấu S0, S1 và nhóm nguy hiểm cháy theo công năng F1, F2, F3 và F4. + Chiều cao nhà ≤ 9 m. + Chiều cao nhà tầng đến 12 m khi lỗ lấy sáng bên trên được mở tự động khi cháy.	D 3.4.12
-	Bố trí buồng thang bộ N1 (có lối vào buồng thang từ mỗi tầng đi qua một khoảng đệm không nhiễm khói được thực hiện bằng giải pháp thông gió tự nhiên phù hợp): N2 (có áp suất không khí dương); N3 (có lối vào buồng thang từ mỗi tầng đi qua khoảng đệm có áp suất không khí dương)	Lỗ lấy ánh sáng trên mái: Diện tích ≥ 4 m ² với khoảng hở giữa các vé thang có chiều rộng $\geq 0,7$ m hoặc giếng lấy sáng theo suốt chiều cao của buồng thang bộ với diện tích mặt cắt ngang ≥ 2 m ² - Bố trí trong các nhà có chiều cao lớn hơn 28 m - Số lượng buồng thang bộ: + Phải bố trí buồng thang bộ N1 (hoặc giải pháp thay thế. Hệ thống cung cấp không khí cho phòng đệm, buồng thang; 03 nguồn điện ưu tiên bảo đảm duy trì liên tục. + Các buồng thang bộ N2, N3: ≤ 50 % buồng thang bộ loại N2 hoặc N3 có áp suất không khí dương khi cháy	DD3.4.8 D 3.4.13
-	Diện tích khoảng đệm thang N3	- Không nhỏ hơn 3,0 m ²	D 3.4.9
-	Tính không nhiễm khói của logia thang N1	- Không nhỏ hơn 6,0 m ² nếu khoảng đệm đó đồng thời là sảnh của thang máy chữa cháy Hình minh họa	D 3.4.10
-		Lỗ lấy ánh sáng với diện tích không nhỏ hơn 1,2 m ² trên các tường ngoài ở mỗi tầng.	D 3.4.8
-	Bố trí thang bộ riêng biệt để lưu thông giữa các tầng hầm hoặc tầng nửa hầm với tầng một	- Các thang bộ này phải được bao che bằng các vách ngăn cháy loại I với khoảng đệm ngăn cháy có áp suất không khí dương khi cháy. - Khi bố trí các cầu thang bộ loại 2 đi từ sảnh tầng 1 lên tầng 2, thì sảnh này phải được ngăn cách khỏi các hành lang và các gian phòng liền kề bằng các vách ngăn cháy loại 1. - Gian phòng, trong đó có bố trí cầu thang bộ loại 2, phải được ngăn cách với các hành lang thông với nó và các gian phòng khác bằng các vách ngăn cháy loại 1. Cho phép không ngăn cách gian phòng có cầu thang bộ loại 2 bằng các vách ngăn cháy khi: + Có trang bị chữa cháy tự động trong toàn bộ nhà; hoặc + Trong các nhà có chiều cao không lớn hơn 9 m với diện tích một tầng không quá 300 m ² Cho phép bố trí không quá 50 % buồng thang bộ bên trong không có các lỗ lấy ánh sáng, dùng để thoát nạn	D 4.25 D 4.26 D 4.27 D 3.4.8
6.2	Chiều rộng bàn thang	Không được nhỏ hơn chiều rộng tính toán hoặc chiều rộng của bất kỳ lối ra thoát nạn (cửa đi) nào trên nó, đồng thời không được nhỏ hơn: - 1,2 m đối với nhà có số người trên tầng bất kỳ, từ tầng một, lớn hơn 200 người. - 0,7 m đối với cầu thang bộ dẫn đến các chỗ làm việc đơn lẻ. - 0,9 m đối với tất cả các trường hợp còn lại	D 3.4.1

		kích thước $\geq 0,6 \text{ m} \times 0,8 \text{ m}$. - Lối ra mái hoặc ra tầng áp mái từ các buồng thang bộ phải được bố trí theo các bàn thang: + Có chiều thang ở trước lối ra, qua các cửa ngăn cháy loại 2 kích thước $\geq 0,75 \text{ m} \times 1,5 \text{ m}$. + Bàn thang và chiều thang có thể được làm bằng thép; có độ dốc (góc nghiêng) $\leq 2 : 1 (63,5^\circ)$ và chiều rộng $\geq 0,7 \text{ m}$. - Nhà cao đến 15 m cho phép bố trí các lối ra tầng áp mái hoặc ra mái từ các buồng thang bộ qua các cửa nắp ngăn cháy loại 2 với kích thước $0,6 \text{ m} \times 0,8 \text{ m}$ theo các thang leo bằng thép gắn cố định.			D 6.8		
		- Chiều cao thông thủy lối ra mái: + Trong các tầng kỹ thuật, bao gồm cả các tầng hầm kỹ thuật và các tầng áp mái kỹ thuật: $\geq 1,8 \text{ m}$; + Trong các tầng áp mái dọc theo toàn bộ ngôi nhà: $\geq 1,6 \text{ m}$. + Chiều rộng thông thủy: $\geq 1,2 \text{ m}$. + Trong các đoàn riêng biệt có chiều dài $\leq 2 \text{ m}$ cho phép giảm chiều cao của lối đi xuống $1,2 \text{ m}$, còn chiều rộng tối thiểu là $0,9 \text{ m}$. Nhà có tầng gác áp mái phải có các cửa nắp trong các kết cấu bao che các hốc của tầng áp mái.			D 6.9		
		- Phải có thang chứa cháy tại: + Tại các điểm chênh lệch độ cao của mái lớn hơn $1,0 \text{ m}$ (trong đó có cả điểm chênh cao để nâng các cửa lấy sáng - thông gió). + Tại khu vực chênh lệch độ cao của mái hơn 10 m, nếu mỗi một phần mái diện tích $> 100 \text{ m}^2$ có cửa ra mái riêng (Điều 6.6), hoặc độ cao phần thấp hơn của mái (Điều 6.6) $\leq 10 \text{ m}$ - Phải sử dụng các thang chứa cháy: + Loại P1 để lên độ cao đến 20 m và tại các chỗ chênh lệch độ cao của mái từ $1,0 \text{ m}$ đến 20 m. + Loại P2 để lên độ cao lớn hơn 20 m và tại các chỗ chênh lệch độ cao trên 20 m. - Yêu cầu đối với thang chứa cháy: + Làm bằng vật liệu không cháy, đặt ở nơi dễ thấy và cách xa cửa sổ không dưới $1,0 \text{ m}$; + Chiều rộng thang $0,7 \text{ m}$. + Đối với thang loại P1, từ độ cao 10 m trở lên phải có cung tròn bảo hiểm bán kính $0,35 \text{ m}$, tâm của cung tròn cách thang $0,45 \text{ m}$. Các cung tròn phải được đặt cách nhau $0,7 \text{ m}$, ở nơi ra mái phải đặt chiếu tối có lan can cao ít nhất $0,6 \text{ m}$. + Đối với thang P2 phải có tay vịn và có chiếu nghỉ đặt cách nhau không quá 8 m.			D 6.10 D 6.11 D 6.12		
10	Trang bị PCCC và phương tiện, thiết bị có liên quan				D 3.3.1 OCVN 06.2020/BXD		
10.1	Trang bị hệ thống đèn chiếu sáng sự cố và đèn chỉ dẫn thoát nạn	- Các đường thoát nạn phải được chiếu sáng và chỉ dẫn phù hợp với các yêu cầu của TCVN 3890 - Kiểm tra các nội dung về thoát nạn theo hướng dẫn tại bảng 2.5					
		Đèn chiếu sáng sự cố và đèn chỉ dẫn thoát nạn được bố trí đến từng gian phòng của cơ sở kinh doanh dịch vụ karaoke, dịch vụ vũ trường;			G K2 D 6 TT 147/2020/TT-BCA		
10.2	Trang bị phương tiện, thiết bị PCCC	TT	Phương tiện phòng cháy và chữa cháy	Cơ sở thuộc diện trang bị	Định mức	Ghi chú	
		1	Bình chữa cháy	Không phụ thuộc quy mô	Tối thiểu 1 bình/50 m ² , trong đó: - Bình bột có khối lượng chất chữa cháy tối thiểu 6 kg hoặc - Bình khí có khối lượng chất chữa cháy tối thiểu 6 kg hoặc - Bình chữa cháy gốc nước có khối tích chất chữa cháy tối thiểu 6 lít.	Có dự phòng 10% tổng số bình trang bị trong công trình.	PL K2 D 6 TT 147/2020/TT-BCA
		2	Hệ thống báo cháy tự	Diện tích kinh doanh từ 200 m ²			

		tính diện tích chiếm chỗ của các thiết bị, vật dụng. - Các gian phòng lưu giữ ô-tô, xe máy của các gara ô-tô, xe máy kín trên mặt đất được bố trí riêng hoặc xây trong hoặc xây liền kề với các nhà có chức năng khác (với việc chuyển xếp ô-tô có hoặc không có lái xe tham gia) và cả các đường dốc được cách ly của các gara ô-tô này. - Không bắt buộc hút khói tại các gian phòng sau: + Các gian có diện tích đến 200 m ² , được trang bị hệ thống chữa cháy tự động bằng bọt hoặc nước (trừ gian phòng hạng nguy hiểm cháy A, B và các gara đỗ xe kín được đỗ xe nhờ lái xe). + Các gian phòng được trang bị chữa cháy tự động bằng khí, bột, aerosol (trừ các gara đỗ xe kín được đỗ xe nhờ lái xe). + Các hành lang và sảnh khi tất cả các gian phòng có cửa đi vào hành lang hoặc sảnh này đã được thoát khói trực tiếp. + Các gian phòng diện tích đến 50 m ² nằm trong gian phòng chính đã được thoát khói. Kiểm tra các nội dung hệ thống theo hướng dẫn tại bảng 2.6		
10.	Hệ thống điện cấp cho	Kiểm tra các nội dung hệ thống theo hướng dẫn tại bảng 2.6		
5	PCCC			
11	Đối với cơ sở kinh doanh dịch vụ karaoke, dịch vụ vũ trường độc lập cao dưới 3 tầng hoặc có tổng khối tích dưới 1.500 m ³	- Khoảng cách từ đường giao thông có chiều rộng $\geq 3,5$ m, chiều cao $\geq 4,5$ m cho xe chữa cháy tiếp cận đến điểm bất kỳ trên hình chiếu bằng của nhà ≤ 60 m; - Số lối thoát nạn: + Gian phòng có diện tích lớn hơn 50 m ² phải có ít nhất 02 lối thoát nạn; + Tầng của nhà phải có ít nhất 02 lối thoát nạn. Cho phép mỗi tầng có 01 lối thoát nạn khi số lượng người có mặt đồng thời trên tầng không quá 20 người và khi lối thoát nạn đi vào buồng thang bộ không nhiễm khói có cửa đi ngăn cháy có giới hạn chịu lửa EI 30; - Kích thước của lối ra thoát nạn: + Chiều cao thông thủy của cửa phòng phải $\geq 1,9$ m; chiều rộng thông thủy của cửa các gian phòng phải $\geq 1,2$ m khi có diện tích lớn hơn 50 m ² và $\geq 0,8$ m khi có diện tích đến 50 m ² . Cửa của các phòng kinh doanh dịch vụ karaoke, dịch vụ vũ trường phải mở theo chiều thoát nạn; + Chiều cao thông thủy của hành lang thoát nạn phải ≥ 2 m; chiều rộng thông thủy $\geq 1,2$ m khi diện tích kinh doanh trên một tầng lớn hơn 50 m ² và ≥ 1 m cho trường hợp còn lại; - Thang bộ dùng để thoát nạn có thể là loại 1, loại 2, loại 3, buồng thang không nhiễm khói loại N1, N2, N3. Chiều rộng của bản thang dùng để thoát nạn người không được nhỏ hơn chiều rộng tính toán hoặc chiều rộng của bất kỳ lối ra thoát nạn (cửa đi) nào trên nó, đồng thời không được nhỏ hơn 0,9 m; độ dốc (góc nghiêng) của các thang trên các đường thoát nạn không được lớn hơn 1:1 (45°); chiều rộng mặt bậc không được nhỏ hơn 25 cm, còn chiều cao bậc không được lớn hơn 22 cm; - Chống tụ khói cho các khu vực như sau: hành lang của tầng hầm, tầng nửa hầm không có thông gió tự nhiên mà hành lang này dẫn vào các khu vực thường xuyên có người; các gian phòng kinh doanh dịch vụ karaoke, dịch vụ vũ trường diện tích từ 50 m ² trở lên.	K3 B6 TT số 147/2020/TT-BCA	

PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ
THÀNH VIÊN ĐOÀN KIỂM TRA

Căn cứ nội dung Kế hoạch số 1294/KH-UBND ngày 13 tháng 9 năm 2022 của UBND huyện “Tổng kiểm tra việc thực hiện các quy định của pháp luật về phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ (PCCC&CNCH) và an ninh trật tự (ANTT) đối với các cơ sở kinh doanh dịch vụ Karaoke trên địa bàn huyện”, Trưởng đoàn kiểm tra phân công nhiệm vụ như sau:

1. Công an huyện

Kiểm tra các nội dung liên quan đến công tác PCCC&CNCH và ANTT theo quy định tại Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020 của Chính phủ, Nghị định số 83/2017/NĐ-CP ngày 18/7/2017 của Chính phủ và Thông tư số 08/2018/TT-BCA ngày 5/3/2018 của Bộ Công an, Nghị định số 96/2016/NĐ-CP, ngày 01/7/2016 của Chính phủ, Thông tư số 42/2017/TT-BCA ngày 20/10/2017 của Bộ Công an.

2. Phòng Tài chính – Kế hoạch

Kiểm tra các nội dung liên quan đến giấy phép kinh doanh của cơ sở.

3. Phòng Văn hóa và Thông tin

Kiểm tra các nội dung liên quan đến giấy phép hoạt động Karaoke và các dịch vụ văn hóa khác (nếu có).

4. Phòng Kinh tế hạ tầng

Kiểm tra các nội dung liên quan đến việc cấp phép xây dựng, thiết kế công trình.

5. Điện lực huyện

Kiểm tra các nội dung về an toàn hệ thống điện sau công tơ (sử dụng các thiết bị kỹ thuật để kiểm tra).

Trên đây là phân công nhiệm vụ đoàn kiểm tra, đề nghị các đơn vị thực hiện nghiêm túc, hiệu quả nhiệm vụ đã được phân công.

Nơi nhận:

- UBND huyện (Báo cáo);
- Công an huyện;
- Phòng VH-TT;
- Phòng Kinh tế - Hạ tầng;
- Phòng Tài chính – Kế hoạch;
- Điện lực huyện Kbang;
- Các cơ sở kinh doanh
- Lưu VT.



PHÓ TRƯỞNG CÔNG AN HUYỆN
Thượng tá Trần Đăng Khoa

Kbang, ngày 13 tháng 9 năm 2022

LỊCH KIỂM TRA

Việc thực hiện các quy định của pháp luật về phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ (PCCC&CNCH) và an ninh trật tự (ANTT) đối với các cơ sở kinh doanh dịch vụ Karaoke trên địa bàn huyện

Thực hiện Kế hoạch số 1294/KH-UBND ngày 13 tháng 9 năm 2022 của UBND huyện “Tổng kiểm tra việc thực hiện các quy định của pháp luật về phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ (PCCC&CNCH) và an ninh trật tự (ANTT) đối với các cơ sở kinh doanh dịch vụ Karaoke trên địa bàn huyện”. Đoàn kiểm tra thông báo lịch kiểm tra PCCC&CNCH và ANTT đối với các cơ sở kinh doanh dịch vụ Karaoke trên địa bàn huyện Kbang cụ thể như sau:

STT	Tên cơ sở	Thời gian kiểm tra	Ghi chú
1	Karaoke Sương Mai	08h00, ngày 14 tháng 9 năm 2022	
2	Karaoke Nam Phong	14h00, ngày 14 tháng 9 năm 2022	
3	Karaoke Sông Ba	08h00, ngày 15 tháng 9 năm 2022	
4	Karaoke The Voice	10h00, ngày 15 tháng 9 năm 2022	
5	Karaoke Nguyễn Khang	14h00, ngày 15 tháng 9 năm 2022	

Nơi nhận:

- UBND huyện (Báo cáo);
- Công an huyện;
- Phòng VH-TT;
- Phòng Kinh tế - Hạ tầng;
- Phòng Tài chính – Kế hoạch;
- Điện lực huyện Kbang;
- Các cơ sở kinh doanh
- Lưu VT.



PHÓ TRƯỞNG CÔNG AN HUYỆN
Thượng tá Trần Đăng Khoa